

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy tắc chỉ số các cổ phiếu tăng trưởng chi trả cổ tức
“Vietnam Dividend Growth Index” phiên bản 1.1**

**CHỦ TỊCH CÔNG TY
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-HĐTV ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác các chỉ số chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con;

Căn cứ Công văn số 1314/SGDVN-CLPT ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc chấp thuận và phân quyền ban hành các Quy tắc chỉ số tổ chức lại của HOSE;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy tắc chỉ số các cổ phiếu tăng trưởng chi trả cổ tức “Vietnam Dividend Growth Index” phiên bản 1.1.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 898/QĐ-SGDHCM ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch công ty Sở Giao dịch



Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy tắc xây dựng và quản lý chỉ số các cổ phiếu tăng trưởng chi trả cổ tức “Vietnam Dividend Growth Index”.

Điều 3. Ban Điều hành, Giám đốc phòng Thông tin thị trường, Giám đốc các đơn vị thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN, VNX (để báo cáo);
- Lưu: VT, TTTT (.5.).

Q. CHỦ TỊCH CÔNG TY



Trịnh Sơn Hồng



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HOCHIMINH
STOCK EXCHANGE

**QUY TẮC CHỈ SỐ CÁC CỔ PHIẾU
TĂNG TRƯỞNG CHI TRẢ CỔ TỨC
VIETNAM DIVIDEND GROWTH INDEX**

Phiên bản 1.1

(Kèm theo Quyết định số 747/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 9 năm 2026 của
Chủ tịch công ty Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)



Thành phố Hồ Chí Minh

Tháng 9 - 2026



MỤC LỤC

1.	GIỚI THIỆU CHUNG	4
2.	QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỈ SỐ	4
3.	ĐỊNH NGHĨA ÁP DỤNG	5
4.	SÀNG LỌC RỎ CHỈ SỐ ĐỊNH KỲ.....	5
5.	CÁC ĐIỀU CHỈNH TRONG KỲ ĐỐI VỚI RỎ CHỈ SỐ	7
6.	PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ	7
7.	THÔNG TIN LIÊN HỆ	7



LỊCH SỬ THAY ĐỔI QUY TẮC CHỈ SỐ

Phiên bản	Nội dung
1.1	- Cấu trúc lại Quy tắc xây dựng và quản lý chỉ số VNDIVIDEND phiên bản 1.0.

1. GIỚI THIỆU CHUNG

- 1.1. Quy tắc Chỉ số các cổ phiếu tăng trưởng chi trả cổ tức (tên đầy đủ tiếng Anh là Vietnam Dividend Growth Index, tên viết tắt là Chỉ số VNDIVIDEND) được ban hành sau khi được Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (viết tắt là VNX) phê duyệt, quy định các quy tắc để làm cơ sở cho việc quản lý và vận hành chỉ số VNDIVIDEND hàng ngày của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là HOSE) theo phân quyền của VNX.
- 1.2. Quy tắc chỉ số này có thể được sửa đổi, bổ sung, hoặc hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ tại bất kỳ thời điểm nào. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các quy tắc có thể dẫn đến những thay đổi trong việc xây dựng và quản lý chỉ số hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ số.
- 1.3. Quyền sở hữu trí tuệ đối với Quy tắc này và chỉ số bao gồm tên, thành phần và việc tính toán chỉ số thuộc về VNX, HOSE. Ngoại trừ các trường hợp không phải xin phép và trường hợp ngoại lệ theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ, việc sao chép một phần hay toàn bộ Quy tắc chỉ số này mà chưa có sự cho phép của VNX hoặc HOSE đều bị coi là xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- 1.4. Ngoại trừ các nội dung được nêu cụ thể tại Quy tắc chỉ số này, tất cả những nội dung liên quan được thực hiện theo quy định tại Quy tắc chung cho các chỉ số chứng khoán tại HOSE (Quy tắc chỉ số chung của HOSE).

2. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỈ SỐ

- 2.1. Chỉ số VNDIVIDEND là chỉ số đầu tư, bao gồm các cổ phiếu thành phần (tối thiểu là 10 và tối đa là 20 cổ phiếu) được lựa chọn từ danh sách cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllshare và đáp ứng các tiêu chí sàng lọc chỉ số.
- 2.2. Chỉ số giá VNDIVIDEND được tính toán dựa trên giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh tỷ lệ free-float và có áp dụng giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu (đối với cổ phiếu đơn lẻ và nhóm cổ phiếu cùng ngành).
Chỉ số giá được tính toán theo thời gian thực và công bố 5 giây/lần vào tất cả các ngày giao dịch.
- 2.3. Chỉ số tổng thu nhập VNDIVIDEND TRI được tính toán dựa trên chỉ số gốc là Chỉ số giá VNDIVIDEND, thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần được tái đầu tư vào chỉ số.
Chỉ số tổng thu nhập được tính toán một lần và công bố vào thời điểm cuối ngày giao dịch.
- 2.4. Điểm cơ sở của chỉ số là 1.000. Ngày cơ sở của chỉ số là ngày 31/10/2025.
- 2.5. Danh mục cổ phiếu thành phần của chỉ số (rổ chỉ số) được:

- Xem xét định kỳ bán niên vào kỳ tháng 4 và tháng 10.
- Cập nhật thông tin (tỷ lệ free-float, khối lượng lưu hành tính chỉ số, giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu, danh mục cổ phiếu thành phần (nếu có)) hàng quý vào kỳ tháng 1, tháng 4, tháng 7 và tháng 10.

Tham khảo quy định chi tiết về **Ngày chốt dữ liệu, Ngày công bố kết quả và Ngày hiệu lực** của các kỳ xem xét định kỳ/cập nhật thông tin tại Mục **Định nghĩa áp dụng** Quy tắc chỉ số chung của HOSE.

3. ĐỊNH NGHĨA ÁP DỤNG

- Rổ chỉ số VNAllshare là danh sách cổ phiếu thành phần hiện hành của chỉ số VNAllshare được xác định theo Quy tắc chỉ số VNAllshare.
- Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float (GTVH_f), Tỷ lệ free-float (f), Giá trị giao dịch khớp lệnh (GTGD_KL), Khối lượng giao dịch khớp lệnh (KLGD_KL), chuẩn phân ngành GICS®: tham khảo **Định nghĩa áp dụng** tại Quy tắc chỉ số chung của HOSE.
- Lợi nhuận sau thuế của 04 quý gần nhất (LNST_TTM) là tổng lợi nhuận sau thuế của 04 quý gần nhất có dữ liệu công bố thông tin.
- Năm T là năm xem xét.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức so với trung bình 3 năm (DIVIDEND_RATIO) là mức cổ tức bằng tiền đã chi trả cho năm tài chính T-2 so với mức cổ tức trung bình đã chi trả cho 03 năm tài chính liền kề trước năm xem xét hai năm (năm T-5, năm T-4 và năm T-3). Dữ liệu chi trả cổ tức được ghi nhận theo thông tin công bố Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng.

4. SÀNG LỌC RỔ CHỈ SỐ ĐỊNH KỲ

4.1. Các bước sàng lọc rổ chỉ số định kỳ

Bước 1: Từ rổ chỉ số VNAllshare, chọn các cổ phiếu đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

- ✓ Niêm yết liên tục trên HOSE trước năm T-5
- ✓ $GTVH_f \geq 2.000$ tỷ đồng
- ✓ Thanh khoản:
 - $GTGD_KL \geq 8$ tỷ đồng/ngày và $KLGD_KL \geq 100.000$ cổ phiếu/ngày (đối với cổ phiếu thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước); *hoặc*
 - $GTGD_KL \geq 10$ tỷ đồng/ngày và $KLGD_KL \geq 200.000$ cổ phiếu/ngày (đối với cổ phiếu không thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước)

Bước 2: Từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 1, chọn các mã cổ phiếu có LNST_TTM trong 04 quý gần nhất dương, cụ thể:

Tại kỳ xem xét định kỳ tháng 4: LNST_TTM (Quý 4 năm T-1), LNST_TTM (Quý 3 năm T-1), LNST_TTM (Quý 2 năm T-1) và LNST_TTM (Quý 1 năm T-1) đồng thời dương.

Tại kỳ xem xét định kỳ tháng 10: LNST_TTM (Quý 2 năm T), LNST_TTM (Quý 1 năm T), LNST_TTM (Quý 4 năm T-1) và LNST_TTM (Quý 3 năm T-1) đồng thời dương.

Bước 3: Từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 2, chọn các mã cổ phiếu chỉ trả cổ tức bằng tiền liên tục trong 03 năm tài chính liền kề trước năm xem xét hai năm (năm T-5, năm T-4 và năm T-3).

Bước 4: Từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 3, chọn các cổ phiếu thỏa mãn một trong hai điều kiện sau:

- $DIVIDEND_RATIO \geq 80\%$ (đối với cổ phiếu thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước); hoặc
- $DIVIDEND_RATIO \geq 100\%$ (đối với cổ phiếu không thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước).

Bước 5: Từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 4, xác định rổ chỉ số chính thức như sau:

** Trường hợp có trên 20 mã cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 4:*

Chọn 20 mã cổ phiếu có $DIVIDEND_RATIO$ lớn nhất (ưu tiên cổ phiếu thuộc rổ chỉ số kỳ liền trước và $GTVH_f$ cao hơn khi $DIVIDEND_RATIO$ bằng nhau) vào rổ chỉ số chính thức.

** Trường hợp có từ 10 đến 20 mã cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 4:*

Chọn tất cả các mã cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 4 vào rổ chỉ số chính thức.

** Trường hợp có dưới 10 mã cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 4:*

Chọn tất cả các mã cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 4 và chọn thêm các mã cổ phiếu có $DIVIDEND_RATIO$ lớn nhất (ưu tiên $GTVH_f$ cao hơn khi $DIVIDEND_RATIO$ bằng nhau) từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 3 cho đến khi đủ 10 mã cổ phiếu vào rổ chỉ số chính thức.

4.2. Cập nhật rổ chỉ số trước Ngày hiệu lực

Rổ chỉ số sẽ tiếp tục được cập nhật, loại các cổ phiếu theo quy định **Cập nhật rổ chỉ số trước Ngày hiệu lực** tại Quy tắc chỉ số chung của HOSE.

Việc thay thế cổ phiếu bị loại sẽ tiến hành tương tự việc điều chỉnh trong kỳ quy định tại Mục 5.2 Quy tắc này.

5. CÁC ĐIỀU CHỈNH TRONG KỲ ĐỐI VỚI RỖ CHỈ SỐ

5.1. Rỗ chỉ số sẽ được điều chỉnh trong kỳ khi thuộc các trường hợp **Điều chỉnh trong kỳ đối với rỗ chỉ số** theo quy định tại Quy tắc chỉ số chung của HOSE.

5.2. Việc thay thế cổ phiếu bị loại sẽ được tiến hành như sau:

5.2.1. Nếu rỗ chỉ số chính thức còn lại dưới 10 cổ phiếu, lựa chọn cổ phiếu thay thế theo thứ tự DIVIDEND_RATIO giảm dần (ưu tiên GTVH_f cao hơn khi DIVIDEND_RATIO bằng nhau) từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 3 của Mục 4.1 Quy tắc này tại kỳ xem xét định kỳ gần nhất cho đến khi đủ 10 cổ phiếu vào rỗ chỉ số chính thức.

5.2.2. Nếu rỗ chỉ số chính thức còn lại lớn hơn hoặc bằng 10 cổ phiếu, không bổ sung cổ phiếu thay thế cổ phiếu bị loại.

6. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ

6.1. Chỉ số giá VNDIVIDEND và chỉ số tổng thu nhập VNDIVIDEND TRI được tính toán theo **Phương pháp tính toán chỉ số giá** và **Phương pháp tính toán chỉ số tổng thu nhập** được quy định tại Quy tắc chỉ số chung của HOSE.

6.2. Giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu (c)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu được tính theo quy định **Giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu (c)** tại Quy tắc chỉ số chung của HOSE.

Áp dụng ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu thành phần chỉ số:

- Đối với một cổ phiếu đơn lẻ là 15%.
- Đối với nhóm các cổ phiếu cùng ngành (thuộc cùng một phân ngành cấp 1 theo chuẩn phân ngành GICS®) là 40%.

6.3. Giới hạn trọng số của cổ phiếu (g): không áp dụng.

7. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Để biết thêm thông tin về phương pháp xây dựng, tính toán chỉ số, dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số và cung cấp thông tin, vui lòng truy cập trang thông tin điện tử hoặc liên hệ phòng Thông tin thị trường – Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HOCHIMINH
STOCK EXCHANGE

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỊA CHỈ: SỐ 16, ĐƯỜNG VÕ VĂN KIẾT, PHƯỜNG BẾN THÀNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

SỐ ĐT: (84-28) 38 217 713, SỐ FAX: (84-28) 38 217 452

WEBSITE: <https://www.hsx.vn>

EMAIL: index@hsx.vn

100